

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

“V/v tranh chấp ly hôn

và nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải

2. Bà Tăng Thị Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025; về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 13/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là thôn L, xã A, tỉnh Hưng Yên)

Chỗ ở hiện nay: Đội 5, thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là đội E, thôn C, xã H, thành phố Hải Phòng).

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn P, sinh năm 1990; Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là thôn L, xã A, tỉnh Hưng Yên).

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu khởi kiện và trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình ngày 17/3/2014 (nay là UBND xã A, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhà bố mẹ đẻ anh P ở thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là thôn L, xã A, tỉnh Hưng Yên). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã vợ chồng không có sự tôn trọng dành cho nhau. Bản thân anh P không tu chí làm ăn, không quan tâm tới vợ, con.

Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã nói chuyện với nhau tìm cách giải quyết và cũng được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả nên chị đã đưa các con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở đội E, thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là đội E, thôn C, xã H, thành phố Hải Phòng). Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 từ đó cho tới nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn P.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Văn P có 02 con chung là Đỗ Gia H, sinh ngày 01/02/2014 và Đỗ Gia H1, sinh ngày 06/02/2020. Hiện 02 con đang ở cùng với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi 02 con chung. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đỗ Văn P vắng mặt không có ý kiến trình bày.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2025 của cháu Đỗ Gia H thể hiện:* Cháu Đỗ Gia H, sinh ngày 01/02/2014 có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Tuyết.

Tại biên bản xác minh với bà Nguyễn Thị D là mẹ đẻ của anh P thể hiện: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là xã A, tỉnh Hưng Yên) ngày 17/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại gia đình bà và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 05/2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có sự tôn trọng dành cho nhau, hiện chị T và anh P đã sống ly thân từ tháng 05/2024 cho đến nay mỗi người sống một nơi. Nay chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Hiện anh P đi lao động tự do không cố định địa chỉ, anh P thường xuyên liên lạc với gia đình. Gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh P và đã giao lại, thông báo cho anh P biết việc chị T xin ly hôn. Quan điểm của anh P là anh đồng ý ly hôn với chị T, về con chung: anh P đồng ý để chị T là người trực tiếp nuôi 02 con chung vì như thế sẽ đảm bảo đời sống cũng như việc học tập của cháu H được ổn định; anh P và chị T không có tài sản chung.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn L, xã A; cán bộ tư pháp xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là thôn L, xã A, tỉnh Hưng Yên) thể hiện:*

Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là xã A, tỉnh Hưng Yên) ngày 17/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh P, chị T chung sống ở nhà bố mẹ đẻ anh P ở thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là thôn L, xã A, tỉnh Hưng Yên). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã vợ chồng không có sự tôn trọng dành cho nhau. Bản thân anh P không tu chí làm ăn, không quan tâm tới vợ, con. Mâu thuẫn căng thẳng nên chị T đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ chị T ở huyện N, tỉnh Hải Dương, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị T làm đơn khởi kiện ly hôn quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án hòa giải để các bên trở về đoàn tụ, nếu việc hòa giải không thành thì đề nghị Tòa án xem xét thực trạng hôn nhân và giải quyết yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định của pháp luật, vì hai bên đã sống ly thân thời gian dài và không còn thương yêu nhau nữa.

Về quan hệ con chung: Anh Đỗ Văn P và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là Đỗ Gia H, sinh ngày 01/02/2014 và cháu Đỗ Gia H1, sinh ngày 06/02/2020. Hiện 02 con đang ở cùng với chị T. Nếu chị T và anh P ly hôn địa phương đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh Đỗ Văn P và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung, nợ chung.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn P là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng anh P vắng mặt không có lý do, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị T, anh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái

Bình (nay là UBND xã A, tỉnh Hưng Yên) ngày 17/3/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 05/2024 đến nay không quan tâm đến nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc chị T đề nghị ly hôn nhưng anh P cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị được ly hôn anh P là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn P có 02 con chung là Đỗ Gia H, sinh ngày 01/02/2014 và Đỗ Gia H1, sinh ngày 06/02/2020. Hiện 02 con đang ở cùng với chị T. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu H cũng có nguyện vọng ở cùng chị T. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của chị T là chính đáng, chị T có công việc, thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi 02 con chung Đỗ Gia H, sinh ngày 01/02/2014 và Đỗ Gia H1, sinh ngày 06/02/2020; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh P có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[7] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn P.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi 02 con chung Đỗ Gia H, sinh ngày 01/02/2014 và Đỗ Gia H1, sinh ngày 06/02/2020; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0000765 ngày 17/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Hưng Yên) được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/8/2025). Anh Đỗ Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND Khu vực 8 – Hưng Yên;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Hưng Yên;
- UBND xã An Khê (nay là UBND xã A Sào, tỉnh Hưng Yên);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tiến Thành